



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Thuế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001011689	Bùi Đức	Duy	06/10/2004	NH10A	01	317	6,5	01	Duy	lẻ
2	000002	1101011259	Đinh Thị Ngọc	Anh	30/06/2005	NH11A	01	318	9,5	01	Anh	chẵn
3	000003	1101010766	Lưu Quỳnh	Anh	19/05/2005	NH11A	01	319	7,8	01	Anh	lẻ
4	000004	1101010769	Nguyễn Thị Hải	Anh	01/09/2005	NH11A	01	320	5,0	01	Anh	chẵn
5	000005	1101010478	Nguyễn Thị Mai	Anh	27/12/2005	NH11A	01	321	6,5	01	Anh	lẻ
6	000006	1101011261	Nguyễn Việt	Anh	09/11/2005	NH11A	01	322	6,5	01	Anh	chẵn
7	000007	1101011386	Bùi Gia	Bảo	14/06/2005	NH11A	01	323	9,3	01	Bùi	lẻ
8	000008	1101010785	Bùi Thị Kiều	Chinh	27/07/2005	NH11A	01	324	9,5	01	Chinh	chẵn
9	000009	1101010786	Cao Mạnh	Cường	07/09/2005	NH11A	01	325	7,8	01	Cường	lẻ
10	000010	1101011372	Đinh Trọng	Đạo	03/05/2005	NH11A	01	326	9,0	01	Đạo	chẵn
11	000011	1101010512	Phạm Thành	Đạt	28/03/2005	NH11A	01	327	7,3	01	Đạt	lẻ
12	000012	1001010766	Phan Huy	Đức	13/05/2004	NH11A	01					HP,ĐK
13	000013	1001010770	Lương Anh	Dũng	22/11/2004	NH11A	01	328	5,8	01	Dũng	lẻ
14	000014	1101010796	Bùi Thái	Dương	05/12/2005	NH11A	01	329	7,3	01	Dương	chẵn
15	000015	1101010797	Nguyễn Quang	Dương	17/09/2005	NH11A	01	330	3,5	01	Dương	lẻ
16	000016	1101011268	Nguyễn Văn	Dương	05/09/2003	NH11A	01	331	7,5	01	Dương	chẵn
17	000017	1101011269	Nguyễn Thu	Giang	29/09/2005	NH11A	01	332	7,8	01	Giang	lẻ
18	000018	1101010807	Trương Hương	Giang	10/11/2005	NH11A	01	333	8,0	01	Hương	chẵn
19	000019	1001010781	Trần Huy	Hải	14/07/2004	NH11A	01	334	8,0	01	Hải	lẻ (8,0)
20	000020	1101010819	Nguyễn Thu	Hòa	29/04/2005	NH11A	01	335	9,5	01	Hòa	chẵn
21	000021	1101010823	Đỗ Văn	Hồng	25/01/2005	NH11A	01	336	6,0	01	Hồng	lẻ
22	000022	1101011444	Hoàng Ánh	Hồng	26/11/2005	NH11A	01	337	8,3	01	Hồng	chẵn
23	000023	1101011277	Đoàn Đức	Hùng	09/08/2005	NH11A	01	338	8,8	01	Hùng	lẻ
24	000024	1101010110	Nguyễn Việt	Hùng	26/08/2005	NH11A	01	339	9,5	01	Hùng	chẵn
25	000025	1101011279	Nguyễn Khải	Hưng	07/10/2005	NH11A	01	340	7,0	01	Hưng	lẻ
26	000026	1101010836	Trần Thanh	Huyền	14/12/2005	NH11A	01	341	7,5	01	Huyền	chẵn
27	000027	1101010128	Nguyễn Trọng	Khang	26/03/2005	NH11A	01	342	4,5	01	Trọng	lẻ
28	000028	1101011282	Dương Quốc	Khánh	19/08/2003	NH11A	01	343	7,5	01	Khánh	chẵn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000029	1101011404	Nguyễn Nam	Khánh	08/12/2005	NH11A	01	344	5,3	01	Khánh	lẻ
30	000030	1101010841	Vũ Duy	Kiên	01/09/2005	NH11A	01	345	6,5	01	Kiên	chẵn
31	000031	1101011284	Hoàng Thị	Lam	21/02/2005	NH11A	01	346	9,3	01	Lam	lẻ
32	000032	1101010844	Bùi Khánh	Linh	06/10/2005	NH11A	01	347	8,5	01	Linh	chẵn
33	000033	1101010845	Đặng Thị Nhật	Linh	01/10/2005	NH11A	01	348	8,3	01	Liê	lẻ
34	000034	1101011285	Đào Thị Thùy	Linh	07/11/2005	NH11A	01	349	9,5	01	Linh	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi:....33...

Tổng số tờ giấy thi:....33...

Tổng số biên bản:.....0.....

Ngày 14 tháng 1 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2


Hoàng Thị Duyên


Nguyễn Thị Hồng Hạnh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Thuế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000035	1101010848	Kiều Khánh	Linh	08/10/2005	NH11A	01	254	5,3	1	Kinh.	lẻ
2	000036	1101010849	Lê Hoài	Linh	15/09/2005	NH11A	01	255	9,0	1	Linh	chẵn
3	000037	1101011380	Nguyễn Khánh	Linh	15/08/2005	NH11A	01	256	7,8	1	Linh	lẻ
4	000038	1001020180	Trịnh Thị	Linh	08/08/2004	NH11A	01					HP,ĐK
5	000039	1101010852	Vũ Thị Ngọc	Linh	25/06/2005	NH11A	01	257	8,3	1	Linh	lẻ
6	000040	1101010859	Nguyễn Công	Minh	25/10/2005	NH11A	01	258	3,5	1	Minh	chẵn
7	000041	1101010860	Phạm Quang	Minh	26/08/2005	NH11A	01	259	5,0	1	My	lẻ
8	000042	1101010861	Vũ Đức	Minh	03/11/2005	NH11A	01	260	3,5	1	Minh	chẵn
9	000043	1101011416	Nguyễn Trà	My	07/04/2005	NH11A	01	261	6,3	1	Đo	lẻ
10	000044	1101010870	Trần Bích	Ngọc	22/03/2005	NH11A	01	262	3,5	1	Ngọc	chẵn
11	000045	1101010874	Nguyễn Trần Thống Nhất		19/01/2005	NH11A	01	263	7,8	1	Thống Nhất	lẻ
12	000046	1101010875	Hoàng Thị Yến	Nhi	04/11/2005	NH11A	01	264	6,8	1	Nhi	chẵn
13	000047	1101010877	Lê Quỳnh	Như	12/06/2005	NH11A	01	265	7,3	1	Thư	lẻ
14	000048	1101010880	Vương Thị Hồng	Nhung	01/06/2005	NH11A	01	266	5,5	1	Hồng	chẵn
15	000049	1101011399	Phạm Thùy	Phương	27/08/2005	NH11A	01	267	6,5	1	Phương	lẻ
16	000050	1101010885	Nguyễn Minh	Quân	23/03/2005	NH11A	01	268	6,5	1	Quân	chẵn
17	000051	1101011432	Nguyễn Tiến	Quang	11/10/2005	NH11A	01	269	Mười	1	Quang	lẻ
18	000052	1101010888	Tạ Trường	Quang	09/11/2005	NH11A	01					ĐK
19	000053	1101011301	Nguyễn Phương	Quỳnh	19/08/2005	NH11A	01	270	Mười	1	Quỳnh	lẻ
20	000054	1101010890	Trần Ngọc	Quỳnh	05/03/2005	NH11A	01	271	5,0	1	Quỳnh	chẵn
21	000055	1101010896	Nguyễn Hiền	Thảo	02/01/2005	NH11A	01	272	7,8	1	Thảo	lẻ
22	000056	1101010897	Nguyễn Đức	Thiện	25/02/2005	NH11A	01	273	6,8	1	Thiện	chẵn
23	000057	1101010713	Nguyễn Khánh	Toàn	25/12/2005	NH11A	01	274	4,0	1	Toàn	lẻ
24	000058	1101010905	Trần Thị Thùy	Trang	25/06/2000	NH11A	01	275	6,8	1	Trang	chẵn
25	000059	0901030111	Hoàng Minh	Trí	28/12/2003	NH11A	01	276	8,8	1	Trí	lẻ
26	000060	1101011422	Nguyễn Thị Thúy	Vân	30/04/2005	NH11A	01	277	8,5	1	Vân	chẵn
27	000061	0901010289	Nguyễn Quang	Vũ	17/05/2003	NH11A	01					HP,ĐK
28	000062	1101010910	Lương Ngọc	Vượng	08/09/2005	NH11A	01	278	4,8	1	Vượng	chẵn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000063	1101011326	Trần Thị Hải	Yến	29/11/2003	NH11A	01					HP, ĐK
30	000064	1101031146	Trịnh Hương	An	08/04/2005	QT11A	02	279	5,3	1	An	Chấn
31	000065	1101031429	Lê Hải	Anh	17/08/2005	QT11A	02	280	4,5	1	Anh	Chấn
32	000066	1101030469	Lê Quang	Anh	23/10/2005	QT11A	02	281	5,0	1	Anh	Chấn
33	000067	1101030483	Phạm Thị Nguyệt	Anh	13/02/2005	QT11A	02	282	4,5	1	Anh	Chấn
34	000068	1101030495	Ngô Thị Nguyệt	Ánh	05/11/2005	QT11A	02	283	6,5	1	Anh	Chấn

Tổng số sinh viên dự thi: ... 30 ...

Tổng số tờ giấy thi: ... 30 ...

Tổng số biên bản: ... 0 ...

Ngày ... 14 ... tháng ... 1 ... Năm ... 2026 ...

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Chữ ký
Quản lý Thư Huyệns Quản lý Thanh Thủy



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Thuế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000069	1101030500	Nguyễn Đức Tùng	Bách	02/12/2005	QT11A	02	158	5,5	1	Bách	l'
2	000070	1101031438	Lê Thanh	Bình	06/08/2005	QT11A	02	159	6,3	1	Bình	chấn
3	000071	1101031168	Nguyễn Thắng	Đồng	23/08/2005	QT11A	02	160	9,5	1	Đồng	l'
4	000072	1101030517	Trần Huy	Đức	10/09/2005	QT11A	02					HP,ĐK
5	000073	1101030519	Nguyễn Anh	Dũng	20/12/2005	QT11A	02	161	6,0	1	Dũng	l'
6	000074	1101031400	Lê Thế	Dương	18/12/2005	QT11A	02					HP,ĐK
7	000075	1101030525	Đào Quang	Duy	19/02/2005	QT11A	02	162	3,0	1	Duy	l'
8	000076	1101030530	Đoàn Thị Mỹ	Duyên	24/03/2005	QT11A	02	163	3,8	1	Duyên	chấn
9	000077	1101031412	Nguyễn Nam	Giang	04/03/2005	QT11A	02	164	mười	1	Giang	l'
10	000078	1101030538	Đặng Hoàng	Hải	09/05/2005	QT11A	02	165	6,0	1	Hải	chấn
11	000079	1101031359	Lê Thị Diễm	Hằng	17/11/2005	QT11A	02	166	7,8	1	Hằng	l'
12	000080	1101030543	Nguyễn Thị	Hào	24/03/2005	QT11A	02	167	2,3	1	Hào	chấn
13	000081	1101030548	Nguyễn Tuấn	Hiệp	15/11/2005	QT11A	02	168	7,3	1	Hiệp	l'
14	000082	1101030437	Lê Kim	Huệ	06/09/2005	QT11A	02	169	6,5	1	Huệ	Cần
15	000083	1101030559	Phạm Thị	Huệ	12/10/2005	QT11A	02	170	3,5	1	Huệ	l'
16	000084	1101030561	Phùng Tuấn	Hùng	13/09/2005	QT11A	02	171	9,8	1	Hùng	chấn
17	000085	1101031731	Đỗ Thu	Hương	07/08/2005	QT11A	02	172	9,0	1	Hương	l'
18	000086	1101031196	Khổng Thị Lan	Hương	09/04/2005	QT11A	02	173	7,0	1	Hương	chấn
19	000087	1101030829	Lương Gia	Huy	24/09/2005	QT11A	02	174	8,8	1	Huy	l'
20	000088	1101031198	Đỗ Chu Khánh	Huyền	15/01/2005	QT11A	02	175	4,5	1	Huyền	chấn
21	000089	1101030399	Nguyễn Thị	Huyền	28/06/2005	QT11A	02	176	8,3	1	Thị	l'
22	000090	1101030580	Nguyễn Quốc	Khánh	01/09/2005	QT11A	02	177	6,8	1	Khánh	Chấn
23	000091	1101030581	Đỗ Trung	Kiên	28/04/2005	QT11A	02	178	5,0	1	Kiên	l'
24	000092	1101030588	Phan Thị	Liều	31/12/2004	QT11A	02	179	9,0	1	Liều	chấn
25	000093	1101030603	Nguyễn Thùy	Linh	23/03/2005	QT11A	02	180	9,5	1	Linh	l'
26	000094	1101031371	Phạm Thị Hồng	Lĩnh	11/12/2005	QT11A	02	181	7,5	1	Lĩnh	Chấn
27	000095	1101030608	Đào Văn	Lộc	19/11/2005	QT11A	02	182	4,0	1	Lộc	l'
28	000096	1101030616	Trần Thị Hương	Ly	26/01/2005	QT11A	02	183	5,3	1	Ly	Cần

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000097	1101031215	Đình Thế	Minh	04/12/2005	QT11A	02	184	8,5	1	đạt	le'
30	000098	1101030627	Phạm Hồng	Minh	04/12/2005	QT11A	02	185	9,8	1	Minh	chẩn
31	000099	1101030628	Trịnh Công	Minh	09/11/2005	QT11A	02	186	4,0	1	đạt	le'
32	000100	1101030638	Nguyễn Thúy	Nga	14/07/2005	QT11A	02	187	8,5	1	đạt	chẩn
33	000101	1101030643	Nguyễn Thị Bích	Ngân	25/09/2005	QT11A	02	188	mười	1	MN	le'

Tổng số sinh viên dự thi:.....31...

Tổng số tờ giấy thi:.....31

Tổng số biên bản:.....0...

Ngày 19 tháng 11 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Đỗ Thị Liên

Trần Thị Huệ



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Thuế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000102	1101031732	Nguyễn Thanh	Ngoan	01/04/2005	QT11A	02	33	9,0	1	Ngoan	chẵn
2	000103	1101030660	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	08/05/2005	QT11A	02	34	8,8	1	Nhung	lẻ
3	000104	1101030665	Nguyễn Đình	Phi	08/09/2005	QT11A	02	35	3,5	1	Phi	chẵn
4	000105	1101031222	Bùi Thu	Phương	23/09/2005	QT11A	02	36	7,5	1	Phương	lẻ
5	000106	1101030681	Vũ Nguyễn Đình	Quang	15/04/2005	QT11A	02	37	7,5	1	Quang	chẵn
6	000107	1101031420	Lê Thị Diễm	Quỳnh	26/08/2005	QT11A	02	38	8,5	1	Quỳnh	lẻ
7	000108	1101031366	Lưu Danh	Thái	14/02/2005	QT11A	02	39	4,0	1	Thái	chẵn
8	000109	1101031229	Nguyễn Thị	Thảo	05/05/2005	QT11A	02	40	9,3	1	Thảo	lẻ
9	000110	1101030420	Vũ Minh	Thu	02/11/2005	QT11A	02	41	9,0	1	Thu	chẵn
10	000111	1101030731	Phạm Xuân	Trung	26/08/2005	QT11A	02	42	9,0	1	Trung	lẻ
11	000112	1101031252	Nguyễn Thị Hà	Uyên	08/11/2005	QT11A	02	43	7,0	1	Uyên	chẵn
12	000113	1101030743	Nguyễn Thị Hồng	Vân	13/08/2005	QT11A	02	44	9,3	1	Vân	lẻ
13	000114	1101030752	Nguyễn Ý	Vy	02/10/2005	QT11A	02	45	4,5	1	Vy	chẵn HP
14	000115	1101020003	Đặng Phương	Anh	31/01/2005	KD11A	03	46	4,3	1	Anh	lẻ
15	000116	1101020913	Đỗ Vũ Quỳnh	Anh	23/11/2005	KD11A	03	47	4,3	01	Anh	chẵn
16	000117	1001020038	Nguyễn Hữu	Anh	28/02/2004	KD11A	03	48	5,8	01	Anh	lẻ
17	000118	1101020018	Nguyễn Nhật	Anh	26/08/2005	KD11A	03	49	5,0	01	Anh	chẵn
18	000119	1101020023	Nguyễn Thị Lan	Anh	11/01/2005	KD11A	03	50	5,8	01	Lan	lẻ
19	000120	1101020044	Phạm Thanh	Bình	19/01/2005	KD11A	03	51	9,5	01	Bình	chẵn HP
20	000121	1101020050	Đỗ Quyết	Chiến	15/06/2005	KD11A	03	52	4,3	01	Chiến	lẻ
21	000122	1101020934	Phạm Thị Tuyết	Chinh	02/09/2005	KD11A	03	54	8,5	01	Chinh	chẵn
22	000123	1101020064	Cầm Minh	Đức	13/12/2005	KD11A	03	54	5,5	01	Đức	lẻ
23	000124	1101020069	Nguyễn Thị Thùy	Dương	21/01/2003	KD11A	03	55	5,5	01	Dương	chẵn
24	000125	1101020944	Lê Thị	Duyên	05/04/2005	KD11A	03	56	5,8	01	Duyên	lẻ
25	000126	1101020081	Cao Thị Thu	Hà	08/02/2005	KD11A	03	57	7,0	01	Hà	chẵn
26	000127	1101020393	Lê Thị Thu	Hà	21/11/2005	KD11A	03	58	8,5	01	Hà	lẻ
27	000128	1101020086	Tô Thu	Hà	18/03/2005	KD11A	03	59	6,5	01	Hà	chẵn
28	000129	1101020953	Mai Thị Thanh	Hằng	06/02/2005	KD11A	03	60	6,8	01	Thanh	lẻ

S.TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000130	1101020095	Phan Thị	Hiền	05/10/2005	KD11A	03	61	8,0	01	Hiền	Chẩn
30	000131	1101020097	Nguyễn Thị	Hiền	08/11/2005	KD11A	03	62	1,8	01	Hiền	lỗ
31	000132	1101020963	Vũ Thanh	Hoa	21/11/2005	KD11A	03	63	3,0	01	Hoa	chẩn
32	000133	1101021358	Hoàng Phi	Hùng	17/07/2003	KD11A	03	64	7,5	01	Hùng	L?
33	000134	1101020969	Nguyễn Lan	Hương	19/04/2005	KD11A	03	65	3,0	01	Hương	Chẩn

Tổng số sinh viên dự thi: 23

Tổng số tờ giấy thi: 33

Tổng số biên bản: 20

Ngày 14 tháng 1 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Kim Oanh

Phạm Thị Tam



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Thuế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000135	1001020980	Nguyễn Thị Lan	Hương	30/12/2004	KD11A	03	350	6,0	1	Hương	le'
2	000136	1101020115	Phùng Thị	Huởng	07/05/2005	KD11A	03	351	5,8	1	Huởng	chấn
3	000137	1101020972	Đào Thị Thanh	Huyền	16/09/2005	KD11A	03	352	8,0	1	Huyền	le'
4	000138	0810211730	Nguyễn Văn	Khải	18/10/2002	KD11A	03	353	9,8	1	Khải	chấn
5	000139	1101020587	Nguyễn Thị Quỳnh	Liên	12/09/2005	KD11A	03	354	8,8	1	Liên	le'
6	000140	1101020153	Ngô Phương	Linh	23/01/2005	KD11A	03	355	5,0-25% = 3,8	1	Phu	chấn 25%
7	000141	1101020986	Nguyễn Thị Khánh	Linh	23/04/2005	KD11A	03	356	5,0	1	Linh	le'
8	000142	1101020158	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	26/01/2005	KD11A	03	357	6,5	1	Linh	chấn
9	000143	1101021381	Phạm Thùy	Linh	03/10/2005	KD11A	03	358	7,5	1	Linh	le'
10	000144	1101020170	Nguyễn Minh	Loan	25/07/2005	KD11A	03	359	9,8	1	Loan	chấn
11	000145	1101020621	Đỗ Thị Tuyết	Mai	26/11/2005	KD11A	03	360	9,5	1	Mai	le'
12	000146	1101020997	Trần Nguyễn Thảo	My	28/08/2005	KD11A	03	361	5,5	1	My	chấn
13	000147	1101021006	Phạm Thị	Ngân	15/08/2003	KD11A	03	362	8,0	1	Ngân	le'
14	000148	1101020206	Nguyễn Bích	Ngọc	03/10/2005	KD11A	03	363	9,8	1	Ngọc	chấn
15	000149	1101021338	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	13/12/2005	KD11A	03	364	5,5	1	Ngọc	le'
16	000150	1001020243	Đỗ Quốc	Oai	01/01/2004	KD11A	03	365	mười	1	Oai	chấn
17	000151	1101020244	Thái Minh	Quân	09/02/2005	KD11A	03	366	6,8	1	Quân	le'
18	000152	1101021341	Lê Thị Như	Quỳnh	17/04/2005	KD11A	03	367	7,0	1	Quỳnh	chấn
19	000153	1101021031	Nguyễn Minh	Tâm	24/06/2005	KD11A	03	368	5,0	1	Tâm	le'
20	000154	1101020266	Nguyễn Phương	Thảo	11/02/2005	KD11A	03	369	6,8	1	Thảo	chấn
21	000155	1101020273	Đỗ Minh	Thư	14/03/2005	KD11A	03	370	5,5	1	Thư	le'
22	000156	1101020277	Phạm Thị	Thư	25/02/2005	KD11A	03	371	7,0	1	Thư	chấn
23	000157	1101020284	Hoàng Thị	Thúy	03/11/2005	KD11A	03	372	8,5	1	Thúy	le'
24	000158	1101021050	Đào Huyền	Trang	03/06/2005	KD11A	03	373	8,5	1	Trang	chấn
25	000159	1101020299	Nguyễn Mai	Trang	26/03/2005	KD11A	03	374	6,5	1	Trang	le'
26	000160	1101020303	Nguyễn Thị Hà	Trang	28/10/2005	KD11A	03	375	8,8	1	Trang	chấn
27	000161	1101021055	Nguyễn Thị Huyền	Trang	14/06/2005	KD11A	03	376	3,8	1	Trang	le'
28	000162	1101021059	Phương Thùy	Trang	30/07/2005	KD11A	03	377	5,8	1	Trang	chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000163	1101021063	Nguyễn Duy	Tuân	03/05/2005	KD11A	03	378	5,3	01	Trần	lẻ.
30	000164	1101020318	Cao Thị Thanh	Tuyền	12/06/2005	KD11A	03	379	8,0	1	Tuyền	chẵn.
31	000165	1101020322	Nguyễn Thái	Vân	07/12/2005	KD11A	03	380	4,3	1	VC	lẻ
32	000166	1101021070	Ngô Hải	Yến	04/01/2005	KD11A	03	381	8,0	1	yến	chẵn
33	000167	1001020101	Nguyễn Trà	Giang	26/02/2004	KD11E	03	382	5,3	1	Giang	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 33.....

Tổng số tờ giấy thi: 33.....

Tổng số biên bản: 01.....

Ngày 14 tháng 1 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Vũ Thị Hà

Lưu Thị Yến



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Thuế

Mã đề

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000168	1101020002	Bùi Quế	Anh	14/08/2005	KD11B	04	221	4,5	01	Anh	Chấn
2	000169	1101021260	Dương Phương	Anh	10/12/2005	KD11B	04	222	9,0	01	Anh	Lê
3	000170	1101021343	Nguyễn Quỳnh	Anh	13/09/2005	KD11B	04	223	8,3	01	Anh	Chấn
4	000171	1001020936	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/12/2004	KD11B	04	224	5,3	01	Anh	Lê
5	000172	1101020027	Phạm Lan	Anh	16/04/2005	KD11B	04	225	7,5	01	Anh	Chấn
6	000173	1001020053	Tạ Tuấn	Anh	28/08/2004	KD11B	04	226	4,5	01	Anh	Lê
7	000174	1001020059	Nguyễn Ngọc	Ánh	29/04/2004	KD11B	04	227	4,5	01	Anh	Chấn
8	000175	1001020069	Phạm Ngọc	Bích	11/08/2004	KD11B	04	228	8,0	01	Bích	Lê
9	000176	1101020058	Nguyễn Thị	Diễm	03/03/2005	KD11B	04	229	7,0	01	Diễm	Chấn
10	000177	1101020065	Nguyễn Hữu	Đức	29/06/2005	KD11B	04	230	5,8	01	Hu	Lê
11	000178	1101020070	Ninh Thị Thùy	Dương	25/05/2005	KD11B	04	231	8,0	01	Dương	Chấn
12	000179	1101020071	Phạm Thị Thùy	Dương	05/12/2005	KD11B	04	232	8,0	01	Phạm	Lê
13	000180	1101020073	Bùi Vũ Thùy	Giang	19/08/2005	KD11B	04	233	5,5	01	Giang	Chấn
14	000181	1101020535	Trần Thị Hương	Giang	02/01/2005	KD11B	04	234	5,3	01	Giang	Lê
15	000182	1101020080	Vũ Thị	Giang	23/05/2005	KD11B	04	235	9,3	01	Giang	Chấn
16	000183	1101020087	Trần Thu	Hà	14/05/2005	KD11B	04	236	9,8	01	Hà	Lê
17	000184	1101020100	Nguyễn Thị	Hoa	22/09/2005	KD11B	04	237	muôn	01	Hoa	Chấn
18	000185	1101020562	Phùng Tuấn	Hùng	01/06/2005	KD11B	04	238	6,5	01	Hùng	Lê
19	000186	1101020968	Đỗ Thị Lan	Hương	12/03/2005	KD11B	04	239	9,8	01	Hương	Chấn
20	000187	1101020116	Đỗ Thanh	Huyền	10/10/2005	KD11B	04	240	5,8	01	Thanh	Lê
21	000188	1101021281	Nguyễn Thị Minh	Huyền	21/05/2005	KD11B	04	241	muôn	01	Huyền	Chấn
22	000189	1101020132	Đỗ Ngọc	Lan	03/08/2005	KD11B	04	242	3,0	01	Lan	Lê
23	000190	1101020980	Trần Thị Phương	Liên	23/10/2005	KD11B	04	243	9,8	01	Liên	Chấn
24	000191	1101020149	Lương Thị Ngọc	Linh	22/08/2005	KD11B	04	244	8,5	01	Linh	Lê
25	000192	1101020984	Nguyễn Khánh	Linh	20/03/2005	KD11B	04	245	9,0	01	Khánh	Chấn
26	000193	1101020160	Nguyễn Thùy	Linh	17/12/2005	KD11B	04	246	9,0	01	Linh	Lê
27	000194	1101020171	Nguyễn Thị Phương	Loan	03/07/2005	KD11B	04	247	muôn	01	Loan	Chấn
28	000195	1101021337	Phùng Thị Hải	Ly	24/03/2005	KD11B	04	248	8,8	01	Ly	Lê

2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000196	1101021336	Bùi Thanh	Mai	16/02/2005	KD11B	04	249	9,0	1	Mai	Chấn
30	000197	1101021349	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	09/02/2005	KD11B	04	250	6,3	1	Mai	lê
31	000198	1101020185	Nguyễn Tuyết	Mai	10/12/2005	KD11B	04	251	8,0	1	Mai	Chấn
32	000199	1101021000	Phạm Phương	Nam	08/11/2005	KD11B	04	252	5,0	1	Nam	lê
33	000200	1101020202	Nguyễn Thị Hồng	Ngát	26/06/2005	KD11B	04	253	8,3	1	Ngát	Chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 33.....

Tổng số tờ giấy thi: 33.....

Tổng số biên bản: 2.....

Ngày 14... tháng 04 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Hoàn
Trưởng Thị Thanh Loan Vũ T.T. Dung.



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026
Học phần: Thuế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000201	1101020413	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	19/03/2005	KD11B	04	66	8,5	1	Ngọc	lẻ
2	000202	1001021556	Chu Yên	Nhi	04/08/2004	KD11B	04	67	2,5	1	Nhi	chẵn
3	000203	1101020878	Đỗ Trang	Nhung	10/06/2005	KD11B	04	68	5,5	1	Nhung	lẻ
4	000204	1101020226	Nguyễn Cẩm	Nhung	02/11/2005	KD11B	04	69	9,0	1	Nhung	chẵn
5	000205	1101020667	Lê Thanh	Phúc	03/05/2005	KD11B	04	70	3,3	1	Phúc	lẻ
6	000206	1101020232	Bùi Thu	Phương	12/06/2005	KD11B	04	71	8,0	1	Phương	chẵn
7	000207	1101020241	Trần Thị Hoài	Phương	28/07/2005	KD11B	04	72	3,3	1	Phu	lẻ
8	000208	1101020251	Nguyễn Như	Quỳnh	02/05/2005	KD11B	04	73	8,5	1	Quỳnh	chẵn
9	000209	1101020256	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	30/09/2005	KD11B	04					HP,ĐK
10	000210	1101021033	Hoàng Thị Phương	Thảo	29/05/2005	KD11B	04	74	6,8	1	Thảo	chẵn
11	000211	1101021396	Nguyễn Thị	Thảo	03/02/2005	KD11B	04	75	6,0	1	Thảo	lẻ
12	000212	1101020271	Vũ Thị Ngọc	Thu	19/10/2005	KD11B	04	76	7,0	1	Thu	chẵn
13	000213	1101020278	Phạm Thị Minh	Thư	24/04/2005	KD11B	04					ĐK
14	000214	1101020285	Lê Thị Phương	Thùy	14/03/2005	KD11B	04	77	8,8	1	Thùy	chẵn
15	000215	1101020290	Lê Thị Thuý	Tĩnh	23/10/2005	KD11B	04	78	6,8	1	Tĩnh	lẻ
16	000216	1101020300	Nguyễn Quỳnh	Trang	10/03/2005	KD11B	04	79	9,8	1	Trang	chẵn
17	000217	1101020305	Nguyễn Thị Thu	Trang	02/07/2005	KD11B	04	80	6,5	1	Trang	lẻ
18	000218	1101020309	Trần Huyền	Trang	15/08/2005	KD11B	04	81	8,8	1	Trang	chẵn
19	000219	1101020315	Nguyễn Việt	Tuấn	20/01/2005	KD11B	04	82	2,5	1	Tuấn	lẻ
20	000220	1101021066	Phạm Ngọc	Vi	04/10/2004	KD11B	04	83	9,8	1	Vi	chẵn
21	000221	1101020748	Nguyễn Quang	Vinh	13/03/2004	KD11B	04	84	2,0	1	Vinh	lẻ
22	000222	1101020331	Bùi Thị	Yến	11/01/2005	KD11B	04	85	7,8	1	Yến	chẵn
23	000223	1001020145	Cao Đức	Huy	28/08/2004	KD11C	04	86	3,3	1	Huy	lẻ
24	000224	1001020926	Phạm Thị Thúy	An	11/11/2004	KD11C	05	87	3,5	1	An	chẵn
25	000225	1101021258	Đặng Trần Tuấn	Anh	20/01/2005	KD11C	05	88	4,3	1	Anh	lẻ
26	000226	1101020013	Hoàng Thị Lan	Anh	24/09/2005	KD11C	05	89	9,8	1	Anh	chẵn
27	000227	1101020014	Nghiêm Thị Quỳnh	Anh	15/06/2005	KD11C	05	90	0,8	1	Q.Anh	lẻ
28	000228	1101020022	Nguyễn Thị Hải	Anh	02/06/2005	KD11C	05	91	6,0	1	H.Anh	chẵn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000229	1101020026	Phạm Hoàng Hà	Anh	08/07/2005	KD11C	05	92	3,0	1	Anh	lẻ
30	000230	1101020032	Trương Thị Mai	Anh	11/09/2005	KD11C	05	93	5,3	1	Anh	chẵn
31	000231	1101020034	Vũ Thị Hồng	Anh	10/09/2005	KD11C	05	94	6,8	1	Anh	lẻ
32	000232	1101020927	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10/04/2005	KD11C	05	95	8,5	1	Anh	chẵn.
33	000233	1101020039	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/05/2005	KD11C	05	96	3,5	1	Anh	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi:.....31...

Tổng số tờ giấy thi:.....31...

Tổng số biên bản:.....0.....

Ngày ...14 tháng 01 Năm2016

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Minh Tâm

Phan Thuý Nga



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Thuế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000234	1101020041	Phạm Ngọc	Ánh	30/08/2005	KD11C	05	284	6,0	01	Ánh	chấn
2	000235	1101021413	Đặng Thị Linh	Chi	04/01/2005	KD11C	05	285	9,5	01	Chi	le'
3	000236	1101020054	Nguyễn Thị Anh	Đào	02/01/2005	KD11C	05	286	6,8	01	Đào	chấn
4	000237	1101020066	Nguyễn Thanh	Dung	31/12/2005	KD11C	05	287	6,0	01	Dung	le'
5	000238	1101020941	Trịnh Công	Dương	23/11/2005	KD11C	05	288	4,5	01	Dương	chấn
6	000239	1101020075	Đào Thị Hương	Giang	21/07/2005	KD11C	05	289	4,3	01	Giang	le'
7	000240	1101020948	Lê Thị Thu	Hà	01/07/2005	KD11C	05	290	6,0	01	Hà	chấn
8	000241	1101020088	Trần Đình	Hải	09/03/2005	KD11C	05	291	4,5	01	Hải	le'
9	000242	1101021452	Nguyễn Hồng	Hạnh	05/11/2004	KD11C	05	292	6,5	01	Hạnh	chấn
10	000243	1101020101	Nguyễn Thị Thanh Hòa		18/04/2005	KD11C	05	293	6,3	01	Hòa	le'
11	000244	1101021342	Nguyễn Thanh	Hoài	19/08/2005	KD11C	05	294	6,5	01	Hoài	chấn
12	000245	1101020112	Nguyễn Thị Thanh Hương		21/09/2005	KD11C	05	295	3,8	01	Hương	le'
13	000246	1101020126	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	13/04/2005	KD11C	05	296	8,3	01	Huyền	chấn
14	000247	1101020593	Đoàn Phương	Linh	09/10/2005	KD11C	05	297	3,0	1	Linh	le'
15	000248	1101020146	Lê Nguyễn Thùy	Linh	23/09/2005	KD11C	05	298	9,0	01	Linh	chấn
16	000249	1101020162	Phạm Thùy	Linh	07/03/2005	KD11C	05	299	4,8	01	Linh	le'
17	000250	1101020164	Trần Phương	Linh	07/04/2005	KD11C	05	300	4,5	01	Linh	chấn
18	000251	1101020165	Vũ Hà	Linh	30/07/2005	KD11C	05	301	3,5	01	Linh	le'
19	000252	1101020173	Trương Thị	Luyến	20/10/2005	KD11C	05	302	6,3	01	Luyến	chấn
20	000253	1101020199	Lê Hồng	Ngân	11/07/2005	KD11C	05	303	4,8	01	Ngân	le'
21	000254	1101020203	Bùi Thị	Ngọc	15/09/2005	KD11C	05	305	3,5	01	Ngọc	chấn
22	000255	1101020208	Phạm Ánh	Ngọc	25/11/2005	KD11C	05	304	6,3	01	Ngọc	le'
23	000256	1001021034	Dương Hoàng	Nhi	14/12/2003	KD11C	05	306	3,0	01	Nhi	chấn
24	000257	1101020216	Kiều Yến	Nhi	24/10/2005	KD11C	05	307	9,0	01	Nhi	le'
25	000258	1101021016	Nguyễn Hồng	Nhung	29/05/2005	KD11C	05	308	2,5	01	Nhung	chấn
26	000259	1101021022	Chu Lan	Phương	05/07/2005	KD11C	05	309	7,5	01	Phương	le'
27	000260	1101021024	Trịnh Thu	Phương	08/11/2005	KD11C	05	310	7,0	01	Phương	chấn
28	000261	1101020252	Nguyễn Thị	Quỳnh	29/04/2005	KD11C	05	311	3,5	01	Quỳnh	le'

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000262	1101020259	Bùi Thị Phương	Thanh	23/11/2005	KD11C	05	312	5,5	01	Thảo	Chẩn
30	000263	1101021034	Hoàng Thị Thu	Thảo	04/11/2005	KD11C	05	313	9,5	01	Thảo	lẻ
31	000264	1101020706	Cầm Văn	Thủ	25/01/2005	KD11C	05	314	5,0	01	Thủ	Chẩn
32	000265	1101020279	Lê Hồng	Thức	05/10/2005	KD11C	05	315	3,5	1	Thức	Đề lẻ
33	000266	1101020286	Trần Phương	Thùy	20/01/2005	KD11C	05	316	8,5	1	Thùy	Đề chẩn

Tổng số sinh viên dự thi: 33

Tổng số tờ giấy thi: 33

Tổng số biên bản: 0

Ngày 14 tháng 01 năm 20

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Ngô T. An Phạm Thị Hậu



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Thuế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000267	1101020902	Đinh Thị Yến	Trang	29/01/2005	KD11C	05	416	5,5	01	Trang	le
2	000268	1101020301	Nguyễn Quỳnh	Trang	08/10/2005	KD11C	05	417	8,3	01	Trang	chấn
3	000269	1101020310	Trần Thị Huyền	Trang	30/08/2005	KD11C	05	418	5,5	01	Trang	le
4	000270	1001020326	Đỗ Quang	Tùng	13/09/2004	KD11C	05	419	0,5	01	Đỗ	chấn
5	000271	1101021067	Phạm Đức	Việt	22/08/2005	KD11C	05	420	6,3	01	Việt	le
6	000272	1101020326	Nguyễn Hà	Vy	18/04/2005	KD11C	05	421	8,0	01	Vy	chấn
7	000273	1001010797	Lê Anh	Khánh	03/09/2004	TC10A	05	422	3,0	01	Khánh	le
8	000274	1101020005	Đào Ngọc	Anh	22/07/2005	KD11D	06	423	4,3	01	Anh	chấn
9	000275	1101020012	Đồng Mai	Anh	01/05/2003	KD11D	06	424	4,0	01	Anh	le
10	000276	1101020015	Ngô Hoàng	Anh	16/10/2005	KD11D	06	425	8,0	01	Anh	chấn
11	000277	1101020024	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	30/01/2005	KD11D	06	426	7,0	01	Anh	le
12	000278	1101020030	Trần Diệu	Anh	15/01/2005	KD11D	06	427	3,5	01	Anh	chấn
13	000279	1101020035	Vũ Thị Phương	Anh	16/07/2005	KD11D	06	428	3,5	01	Anh	le
14	000280	1101021328	Trần Quốc Việt	Bách	01/09/2002	KD11D	06	429	4,0	01	Bách	chấn
15	000281	1101020511	Lộc Thành	Đạt	13/09/2005	KD11D	06	430	3,3	01	Đạt	le
16	000282	1101020067	Đào Thị Thùy	Dương	22/12/2005	KD11D	06	431	8,0	01	Anh	chấn
17	000283	1101021346	Đặng Ngọc	Duy	11/11/2004	KD11D	06					HP,ĐK
18	000284	1101020076	Phạm Thị Hương	Giang	10/02/2005	KD11D	06	432	Mười	01	Giang	chấn
19	000285	1101021339	Lê Thị Thu	Hà	21/11/2005	KD11D	06	433	9,0	01	Hà	le
20	000286	1101020809	Nguyễn Thu	Hà	14/01/2005	KD11D	06	434	9,8	01	Hà	chấn
21	000287	1101020089	Trần Minh	Hải	12/10/2005	KD11D	06	435	3,8	01	Hải	le
22	000288	1101020093	Phạm Thu	Hằng	23/09/2005	KD11D	06	436	6,0	01	Hằng	chấn
23	000289	1101021182	Nguyễn Như	Hanh	17/11/2005	KD11D	06	437	2,8	01	Hanh	le
24	000290	1101020096	Đinh Thúy	Hiền	21/05/2005	KD11D	06	438	7,5	01	Hiền	chấn
25	000291	1101020959	Bùi Công	Hiếu	08/04/2005	KD11D	06	439	9,5	01	Hiếu	le
26	000292	1101021443	Phạm Đức	Hiếu	02/08/2000	KD11D	06	440	9,3	01	Hiếu	chấn
27	000293	1101020962	Nguyễn Quỳnh	Hoa	19/04/2005	KD11D	06	441	7,0	01	Hoa	le
28	000294	1101020108	Đinh Thúy	Hồng	05/11/2005	KD11D	06	442	8,8	01	Hồng	chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000295	1101021329	Phạm Thu	Hường	18/08/2000	KD11D	06	443	9,0	01	Huà	Lê
30	000296	1101020117	Đỗ Thị Khánh	Huyền	23/09/2005	KD11D	06	444	9,0	01	Huyền	Chấn
31	000297	1101020121	Nguyễn Ngọc	Huyền	30/04/2005	KD11D	06	445	8,3	01	Huyền	Lê
32	000298	1101021330	Nguyễn Thu	Huyền	01/10/2005	KD11D	06	446	9,8	01	Huyền	Chấn
33	000299	1101020135	Nguyễn Ngọc	Lan	10/09/2005	KD11D	06	447	6,0	01	Lan	Lê

Tổng số sinh viên dự thi: 32.....

Tổng số tờ giấy thi: 32.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 14 tháng 01 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Vũ Thị Thảo

Nguyễn Thị Nga Hà



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Thuế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000300	1101020141	Đặng Mạnh	Linh	11/07/2005	KD11D	06	189	8,0	01	Linh	chấn
2	000301	1101020145	Hoàng Thị Thùy	Linh	11/12/2005	KD11D	06	190	7,8	01	linh	lẻ
3	000302	1101020155	Nguyễn Thị Diệu	Linh	21/08/2005	KD11D	06	191	9,0	01	Diệu	chấn
4	000303	1101020167	Vũ Quang	Linh	29/07/2005	KD11D	06	192	1,5	01	Linh	lẻ
5	000304	1101020178	Trần Thị Vân	Ly	10/10/2005	KD11D	06	193	6,5	01	ly	chấn
6	000305	1101020181	Đặng Ngọc	Mai	11/07/2005	KD11D	06	194	5,0	01	Mai	lẻ
7	000306	1101020189	Trần Vũ Hồng	Minh	04/12/2005	KD11D	06	195	5,0	01	minh	chấn
8	000307	1101020190	Vũ Thị Nguyệt	Minh	11/10/2005	KD11D	06	196	5,5	01	Minh	lẻ
9	000308	1101021437	Đỗ Thị Thục	Mỹ	15/04/2005	KD11D	06	197	8,0	01	Mỹ	chấn
10	000309	1101020196	Lê Thị	Nga	23/09/2005	KD11D	06	198	5,8	01	Nga	lẻ
11	000310	1101021011	Hoàng Thị Huyền	Ngọc	24/07/2005	KD11D	06	199	8,0	01	Ngọc	chấn
12	000311	1101020209	Nguyễn Đình	Nguyên	08/09/2005	KD11D	06	200	9,5	01	Nguyễn	lẻ
13	000312	1101020217	Nguyễn Ngọc	Nhi	15/05/2005	KD11D	06	201	6,5	01	Nhi	chấn
14	000313	1101020224	Nguyễn Thị	Như Ý	14/07/2005	KD11D	06	202	5,3	01	ý	lẻ
15	000314	1101021017	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	06/04/2005	KD11D	06	203	6,5	01	Nhung	chấn
16	000315	1101020235	Lê Thị Thu	Phương	14/03/2005	KD11D	06	204	4,8	01	Phường	lẻ
17	000316	1101020247	Đào Diễm	Quỳnh	26/12/2005	KD11D	06	205	5,5	01	Quỳnh	chấn
18	000317	1101020253	Trần Thị Diệu	Quỳnh	28/07/2005	KD11D	06	206	3,3	01	Quỳnh	lẻ
19	000318	1101021032	Đào Thị	Thanh	22/08/2005	KD11D	06	207	9,5	01	Thanh	chấn
20	000319	1101020263	Lê Thị	Thảo	17/10/2005	KD11D	06	208	7,3	01	thảo	lẻ
21	000320	1101021038	Nguyễn Thu	Thảo	29/05/2005	KD11D	06	209	6,5	01	Thảo	chấn
22	000321	1101021393	Nguyễn Thị Anh	Thư	02/12/2005	KD11D	06	210	4,0	01	Phư?	lẻ
23	000322	1101020281	Nguyễn Hoài	Thương	28/07/2005	KD11D	06	211	9,0	01	Thương	chấn
24	000323	1101020287	Đặng Thanh	Thủy	04/08/2005	KD11D	06	212	3,5	01	Thủy	lẻ
25	000324	1101020296	Lê Hà	Trang	24/11/2005	KD11D	06	213	9,5	01	Trang	chấn
26	000325	1101020302	Nguyễn Quỳnh	Trang	31/07/2005	KD11D	06					HP,ĐK
27	000326	1101020311	Vũ Quang	Triển	08/10/2005	KD11D	06	214	4,0	01	Triển	chấn
28	000327	1101021065	Phùng Phương	Uyên	01/01/2005	KD11D	06	215	4,8	01	Uyên	lẻ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000328	1101020324	Nguyễn Thị Hồng	Vinh	22/11/2005	KD11D	06	216	4,0	01	Vinh	Chấn
30	000329	1101021410	Đặng Thị	Yến	06/02/2003	KD11D	06	217	4,0	01	Yến	le
31	000330	1101020333	Nguyễn Hải	Yến	29/06/2005	KD11D	06	218	6,0	01	Yến	chấn
32	000331	1101020004	Đặng Thị Ngọc	Anh	23/08/2005	KD11E	07	219	6,0	01	Anh	le
33	000332	1101020008	Đỗ Thị Mai	Anh	08/10/2005	KD11E	07	220	4,5	01	Anh	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 32

Tổng số tờ giấy thi: 32

Tổng số biên bản: 2

Ngày 14 tháng 01 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Đào Hoàng Thị Mận



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Thuế

chẵn/lẻ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000333	1101020016	Nguyễn Diệp	Anh	17/09/2005	KD11E	07	383	7,0	1	Anh	lẻ
2	000334	1101020019	Nguyễn Phương	Anh	06/11/2005	KD11E	07	384	6,3	1	Phương	chẵn
3	000335	1101020025	Nguyễn Văn	Anh	01/12/2005	KD11E	07	385	3,5	1	Anh	lẻ
4	000336	1101020921	Trần Hoài	Anh	17/12/2005	KD11E	07	386	6,0	1	Anh	chẵn
5	000337	1101020925	Lê Minh	Ánh	07/05/2005	KD11E	07	387	8,0	1	Anh	lẻ
6	000338	1101020040	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/10/2005	KD11E	07	388	8,8	1	Anh	chẵn
7	000339	1101020043	Nguyễn Thanh	Bình	02/12/2005	KD11E	07	389	5,0	1	Bình	lẻ
8	000340	1101020053	Phùng Ngọc	Chúc	05/07/2005	KD11E	07	390	7,0	1	Chúc	lẻ chẵn
9	000341	1001021433	Đinh Thành	Đạt	17/03/2004	KD11E	07	391	3,0	1	Đạt	HP đã nộp
10	000342	1101020059	Vương Thị	Diễn	19/08/2005	KD11E	07	392	8,5	1	Diễn	chẵn
11	000343	1101020061	Nguyễn Thị	Diệp	17/03/2005	KD11E	07	393	6,0	1	Suy	lẻ
12	000344	1101021076	Lê Thùy	Dương	16/10/2005	KD11E	07	394	2,0	1	Dương	chẵn
13	000345	1101020072	Phạm Hải	Duy	22/11/2005	KD11E	07	395	4,3	1	Đạt	lẻ
14	000346	1101020074	Đặng Trà	Giang	15/03/2005	KD11E	07	396	9,0	1	Giang	chẵn
15	000347	1101020084	Phạm Thị Hồng	Hà	01/03/2005	KD11E	07	397	8,0	1	Hà	lẻ
16	000348	1101020090	Lê Nguyễn Minh	Hằng	01/10/2005	KD11E	07	398	6,0	1	Hằng	chẵn
17	000349	1101020957	Nguyễn Thị	Hào	16/07/2005	KD11E	07	399	9,0	1	Việt	lẻ
18	000350	1101020103	Đặng Thị	Hoàn	26/10/2004	KD11E	07	400	9,0	1	Hoàn	chẵn
19	000351	1101020970	Nguyễn Thị	Hương	25/10/2005	KD11E	07	401	4,5	1	Hương	lẻ
20	000352	1101020114	Phạm Thúy	Hường	02/10/2005	KD11E	07	402	9,0	1	Hường	chẵn
21	000353	1101020122	Nguyễn Ngọc	Huyền	22/04/2005	KD11E	07	403	4,0	1	Huyền	lẻ
22	000354	1101020129	Phạm Quốc	Khánh	02/09/2005	KD11E	07	404	3,5	1	Khánh	chẵn
23	000355	1101020976	Vũ Ngọc	Khánh	13/10/2005	KD11E	07	405	7,3	1	Khánh	lẻ
24	000356	1101020138	Vũ Thị	Lan	28/02/2005	KD11E	07	406	9,0	1	Lan	chẵn
25	000357	1101020979	Cà Nhật Minh Ái	Lệ	01/08/2005	KD11E	07	407	8,0	1	Lệ	lẻ
26	000358	1101020148	Lương Hải Khánh	Linh	02/09/2005	KD11E	07	408	2,5	1	Linh	chẵn
27	000359	1101020156	Nguyễn Thị Hải	Linh	28/08/2005	KD11E	07	409	8,3	1	Linh	lẻ
28	000360	1101020989	Vũ Thị Diệu	Linh	19/05/2005	KD11E	07	410	2,0	1	Linh	chẵn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000361	1101020169	Đinh Thị Ngọc	Loan	03/08/2005	KD11E	07	4,11	2,0	1	Loan	2,0
30	000362	1101020175	Nguyễn Cẩm	Ly	01/07/2005	KD11E	07	4,12	7,8	1	Ly	Chấn
31	000363	1101030618	Vương Thị Diệu	Ly	11/12/2005	KD11E	07	4,13	7,5	1	Ly	Lé
32	000364	1101020182	Đỗ Ngọc	Mai	17/08/2005	KD11E	07	4,14	6,8	1	Mai	Chấn
33	000365	1101020995	Khổng Xuân	Mơ	10/05/2005	KD11E	07	4,15	7,3	1	Mơ	Lé

Tổng số sinh viên dự thi:....33...

Tổng số tờ giấy thi:..33.....

Tổng số biên bản:....0.....

Ngày 14 tháng 01 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Diệp Trần Thị Hoàng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Thuế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000366	1101021291	Nguyễn Thị	Nga	05/02/2004	KD11E	07	1	8,0	01	Nga	Đã nộp
2	000367	1101021132	Nguyễn Thị Thúy	Nga	14/01/2005	KD11E	07	2	6,5	01	Nga	Đã nộp
3	000368	1101020205	Đỗ Lê Hoàng	Ngọc	19/02/2005	KD11E	07	3	9,0	01	Ngọc	Chẵn
4	000369	1101021013	Lương Bảo	Ngọc	07/06/2005	KD11E	07	4	2,0	01	Ngọc	Đã nộp
5	000370	1101020210	Nguyễn Thị	Nguyên	09/02/2005	KD11E	07	5	9,0	01	Nguyễn	Chẵn
6	000371	1101020218	Nguyễn Thị Yên	Nhi	26/10/2005	KD11E	07	6	5,0	01	Nhi	Đã nộp
7	000372	1101021364	Phạm Hồng	Nhung	03/08/2005	KD11E	07	7	8,0	01	Nhung	Chẵn
8	000373	1101020249	Đỗ Thị Như	Quỳnh	22/04/2005	KD11E	07	8	8,3	01	Quỳnh	Đã nộp
9	000374	1101020254	Vũ Thị	Quỳnh	17/02/2005	KD11E	07	9	5,5	01	Quỳnh	Chẵn
10	000375	1101020260	Trương Kiều	Thanh	26/03/2005	KD11E	07	10	8,3	01	Thanh	Đã nộp
11	000376	1101020264	Nguyễn Phương	Thảo	11/10/2005	KD11E	07	11	7,0	01	Thảo	Chẵn
12	000377	1101020268	Nguyễn Vi	Thảo	10/01/2005	KD11E	07	12	3,0	01	Vi	Đã nộp
13	000378	1101020275	Lương Anh	Thư	01/07/2005	KD11E	07	13	6,5	01	Thư	Chẵn
14	000379	1101020282	Nông Hạ	Thương	06/11/2005	KD11E	07	14	4,8	01	Thương	Đã nộp
15	000380	1101021046	Nguyễn Thùy	Tiên	11/11/2005	KD11E	07	15	8,5	01	Tiên	Chẵn
16	000381	1101021054	Nguyễn Thị	Trang	15/08/2005	KD11E	07	16	7,0	01	Trang	Đã nộp
17	000382	1101020308	Nguyễn Thùy	Trang	14/08/2005	KD11E	07	17	4,0	01	Trang	Chẵn
18	000383	1101021335	Lê Minh	Tú	22/10/2004	KD11E	07	18	8,5	01	Tú	Đã nộp
19	000384	1101020316	Phạm Minh	Tuấn	08/09/2005	KD11E	07	19	9,0	01	Tuấn	Chẵn
20	000385	1101020320	Đỗ Hồng	Vân	08/05/2005	KD11E	07	20	3,3	01	Vân	Đã nộp
21	000386	1101020325	Đỗ Quốc	Vương	24/09/2005	KD11E	07	21	4,5	01	Vương	Chẵn
22	000387	1101021428	Triệu Thị Hà	Vy	24/10/2005	KD11E	07	22	5,5	01	Vy	Đã nộp
23	000388	1101020011	Đỗ Văn	Anh	06/10/2005	KD11G	08	23	4,5	01	Anh	Chẵn
24	000389	1101020017	Nguyễn Kim Hoàng	Anh	18/08/2005	KD11G	08	24	7,5	01	Anh	Đã nộp
25	000390	1101021352	Nguyễn Việt	Anh	26/04/2004	KD11G	08					HP.DK
26	000391	1101020028	Phạm Phương	Anh	01/08/2005	KD11G	08	25	8,0	01	Phương	Đã nộp
27	000392	1101020487	Phùng Thùy	Anh	15/02/2005	KD11G	08	26	4,0	01	Phùng	Chẵn
28	000393	1101020777	Trần Thị Phương	Anh	28/07/2005	KD11G	08	27	3,5	01	Trần	Đã nộp
29	000394	1101020045	Phạm Thanh	Bình	11/11/2005	KD11G	08	28	9,5	01	Bình	Chẵn
30	000395	1101020932	Đinh Thị	Châm	25/11/2005	KD11G	08	29	8,5	01	Châm	Đã nộp
31	000396	1101020056	Đoàn Khắc	Đạt	27/06/2005	KD11G	08	30	5,5	01	Đạt	Chẵn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
32	000397	1101020062	Đỗ Thị Hồng	Doan	08/12/2005	KD11G	08	31	8,0	1	Doan	lẻ
33	000398	1101020063	Lại Quảng	Đông	04/08/2005	KD11G	08	32	5,0	1	Đông	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 32....

Tổng số tờ giấy thi: 32.

Tổng số biên bản: 10....

Ngày 14 tháng 1. Năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm T. Hương

Ng Thị Hồng Thúy



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026
Học phần: Thuế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000399	1101020068	Nguyễn Tài	Dương	14/11/2005	KD11G	08	125	7,5	01	Dương	Lê
2	000400	1101020943	Đỗ Thị Hồng	Duyên	22/02/2005	KD11G	08	126	9,3	01	Duyên	Chấn
3	000401	1101020078	Phạm Thị Trà	Giang	08/04/2005	KD11G	08	127	4,8	01	Giang	Lê
4	000402	1101020083	Nguyễn Thị Thu	Hà	21/06/2005	KD11G	08	128	Khổng	01	Hà	CHẤN (BB)
5	000403	1101020085	Phùng Hải	Hà	22/06/2005	KD11G	08	129	8,5	01	Hà	LÊ
6	000404	1101020091	Lê Thị	Hằng	13/05/2005	KD11G	08	130	8,0	01	Hằng	Chấn
7	000405	1101021334	Đinh Thu	Hiền	30/07/2005	KD11G	08	131	4,5	01	Hiền	Lê
8	000406	0901020198	Nguyễn Minh	Hiếu	08/11/2003	KD11G	08	132	6,8	01	Hiếu	Chấn
9	000407	1101020109	Tô Ánh	Hồng	09/09/2005	KD11G	08	133	4,3	01	Hồng	Lê
10	000408	1101020568	Trần Quang	Huy	13/04/2005	KD11G	08	134	6,0	01	Huy	Chấn
11	000409	1101020123	Nguyễn Ngọc	Huyền	30/07/2005	KD11G	08	135	2,0	01	Huyền	Lê
12	000410	1101020130	Phạm Thị	Khánh	01/11/2005	KD11G	08	136	8,8	01	Khánh	Chấn
13	000411	1101020977	Trần Trung	Kiên	22/02/2005	KD11G	08	137	8,0	01	Trần	Lê
14	000412	1101021205	Phạm Thị Ngọc	Lan	04/05/2005	KD11G	08	138	7,3	01	Lan	Chấn
15	000413	1101020139	Hoàng Thị	Lệ	21/01/2005	KD11G	08	139	6,0	01	Lệ	Lê
16	000414	1101020150	Lưu Thùy	Linh	02/01/2005	KD11G	08	140	7,3	01	Linh	Chấn
17	000415	1101020166	Vũ Nguyễn Thùy	Linh	12/08/2005	KD11G	08	141	3,8	01	Linh	Lê
18	000416	1101020168	Vũ Thị Khánh	Linh	10/12/2005	KD11G	08	142	7,8	01	Linh	Chấn
19	000417	1101021345	Đỗ Thị Thanh	Loan	03/12/2005	KD11G	08	143	2,8	01	Loan	Lê
20	000418	1101020172	Phạm Thị	Loan	05/02/2005	KD11G	08	144	7,8	01	Loan	Chấn
21	000419	1101020197	Phạm Thị	Nga	01/02/2003	KD11G	08	145	8,5	01	Nga	Lê
22	000420	1101021333	Nguyễn Hoàn	Ngọc	07/08/2005	KD11G	08	146	8,0	01	Ngọc	Chấn
23	000421	1101020207	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	08/11/2005	KD11G	08	147	7,3	01	Ngọc	Lê
24	000422	1101020212	Bùi Thị	Nguyệt	06/07/2005	KD11G	08	148	6,3	01	Nguyệt	Chấn
25	000423	1101020221	Phạm Yến	Nhi	09/08/2005	KD11G	08	149	5,0	01	Nhi	Lê
26	000424	1101020658	Lương Tâm	Như	12/09/2004	KD11G	08	150	5,0	01	Như	Chấn
27	000425	1101021019	Trần Hồng	Nhung	30/11/2005	KD11G	08	151	4,3	01	Nhung	Lê
28	000426	1101020229	Nguyễn Thị	Oanh	16/10/2005	KD11G	08	152	5,0	01	Oanh	Chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000427	1101020236	Lý Thu	Phương	28/07/2005	KD11G	08	153	3,5	1	Phu	Le'
30	000428	1101021025	Vương Thị	Phương	30/06/2005	KD11G	08	154	Mười	1	Phu	chấn
31	000429	1101021029	Vũ Thị Như	Quỳnh	18/08/2005	KD11G	08	155	5,3	1	Quỳnh	Le'
32	000430	1101020258	Bùi Phương	Thanh	26/06/2005	KD11G	08	156	7,0	1	Thanh	Chấn
33	000431	1101020894	Nguyễn Minh	Thành	14/02/2005	KD11G	08	157	không	1	Thành	Le' (BB)

Tổng số sinh viên dự thi: 33

Tổng số tờ giấy thi: 33

Tổng số biên bản: 02

Ngày 14 tháng 01 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Vũ Thị Thang

Đặng Thị Hiền



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Thuế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000432	1101020265	Nguyễn Phương	Thảo	27/07/2005	KD11G	08	97	6,0	01	Phuoc	Chấn
2	000433	1101020276	Nguyễn Thị Anh	Thư	25/11/2005	KD11G	08	98	5,0	01	Thư	Lê
3	000434	1101020364	Lê Tô	Trang	12/09/2005	KD11G	08	99	9,5	01	Trang	chấn
4	000435	1101020297	Lục Hà	Trang	11/03/2005	KD11G	08	100	8,5	01	Trang	Lê
5	000436	1101020304	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/02/2005	KD11G	08	101	7,3	01	Trang	Chấn
6	000437	1101021057	Nguyễn Thùy	Trang	28/10/2005	KD11G	08	102	6,8	01	Trang	Lê
7	000438	1101021062	Lê Minh	Tuân	09/04/2005	KD11G	08	103	9,3	01	Tuân	chấn
8	000439	1101020313	Đình Lê Anh	Tuấn	17/09/2005	KD11G	08	104	4,0	01	Tuấn	Lê
9	000440	1101020321	Hoàng Thị Thanh	Vân	15/10/2005	KD11G	08	105	8,5	01	Vân	chấn
10	000441	1101020328	Phạm Thanh	Xuân	22/09/2005	KD11G	08	106	6,8	01	Xuân	Lê
11	000442	1101020330	Đỗ Ngọc	Yên	01/10/2005	KD11G	08	107	5,8	01	Yên	chấn
12	000443	1101020332	Đỗ Hải	Yến	23/08/2005	KD11G	08	108	4,8	01	Yên	Lê
13	000444	1001020327	Bùi Cát	Tường	27/11/2004	KD10B	09	109	6,3	01	Tường	chấn
14	000445	1001020051	Nguyễn Việt	Anh	14/04/2003	KD10E	09	110	6,5	01	V. Anh	Lê
15	000446	0810210798	Phạm Mai	Linh	06/01/2002	KD9C	09					HP,ĐK
16	000447	0901020361	Lê Quỳnh	Trang	08/11/2003	KD9N	09					HP,ĐK
17	000448	1001010804	Lê Phương	Liên	21/09/2004	NH10A	09	111	9,0	01	Liên	chấn
18	000449	1101071115	Nguyễn Gia Tuấn	Anh	13/12/2005	QL11A	09	112	8,5	01	Anh	Lê
19	000450	1101071122	Lưu Thị	Hằng	19/03/2005	QL11A	09	113	6,0	01	Hằng	chấn
20	000451	1101070435	Đình Trọng	Hiệp	11/02/2004	QL11A	09	114	5,0	01	Hiệp	Lê
21	000452	1101070436	Nguyễn Ích	Hoàng	25/03/2005	QL11A	09	115	5,8	01	Hoàng	chấn
22	000453	1101070440	Đào Ngọc	Huyền	22/08/2005	QL11A	09	116	1,5-10% = không	01	Huyền	Lê
23	000454	1101071353	Đỗ Ngọc	Kiên	12/05/2005	QL11A	09	117	4,0	01	Kiên	
24	000455	1101070449	Đàm Thị Quỳnh	Như	22/10/2005	QL11A	09	118	1,8-10% = không	01	Như	Lê
25	000456	1101071136	Vũ Ngọc	Phương	12/08/2005	QL11A	09	119	1,5-10% = không	01	Phương	chấn
26	000457	1101070452	Đỗ Thị	Quỳnh	30/10/2004	QL11A	09	120	7,5	01	Quỳnh	Lê
27	000458	1101070456	Lê Trọng	Thuận	06/09/2005	QL11A	09	121	2,5	01	Thuận	chấn
28	000459	1101070457	Trần Đức	Toàn	16/02/2005	QL11A	09	122	5,3	01	Toàn	Lê

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000460	1101070458	Đỗ Thiên	Trang	01/05/2005	QL11A	09	123	5,0	1	Trang	chẵn
30	000461	1001070455	Trịnh Hữu	Tường	14/02/2004	QL11A	09					HP,ĐK
31	000462	1101070462	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	08/06/2005	QL11A	09	124	8,0	1	Xuân	chẵn
32	000463	1001081414	Phạm Hoàng	Hiệp	23/09/2004	TM10A	09					HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:...28...

Ngày...14...tháng...01...Năm...2026

Tổng số tờ giấy thi:...28...

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:...03.....

Đỗ Thị Nhài Đoàn Thị Linh